

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ VĂN THẮNG

ĐỊNH TỘI DANH TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC
GÂY TÔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN
THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ VĂN THẮNG

**ĐỊNH TỘI DANH TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC
GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. VÕ THỊ KIM OANH**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊNH TỘI DANH TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	6
1.1. Khái niệm về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam.....	6
1.2. Cơ sở pháp lý của định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	11
1.3. Định tội danh theo các yếu tố của cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	13
1.4. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác theo cấu thành tội phạm tăng nặng.....	22
1.5. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong những trường hợp đặc biệt.....	24
1.6. So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội khác về dấu hiệu pháp lý tương tự.....	28
Chương 2: ĐỊNH TỘI DANH TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	31
2.1. Khái quát tình hình thụ lý, xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.....	31
2.2. Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm cơ bản.....	33
2.3 Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tăng nặng.....	37
2.4. Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong những trường hợp đặc biệt.....	43

Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC.....	48
3.1. Các yêu cầu đối với định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	48
3.2. Các bảo đảm định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	50
KẾT LUẬN.....	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	70

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BLHS	: Bộ luật hình sự
- BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
- CYGTT	: Cố ý gây thương tích
- HĐTP	: Hội đồng thẩm phán
- TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
- TAND:	: Tòa án nhân dân
- TPHCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
- UBTVQH	: Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội
- VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 2. 1. Phân tích tình hình thụ lý xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong thời gian từ 2011 – 2015.....	32
Bảng 2.2. Thực trạng áp dụng các chế tài đối với các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác từ năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.....	33
Bảng 2.3. Thực trạng xét xử phúc thẩm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các vụ án do TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm.....	34
Bảng 2.4. Thực trạng xét xử phúc thẩm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các vụ án do Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo cấu thành tăng nặng.....	38

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người là vốn quý của xã hội chính vì vậy tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm...của con người được pháp luật của tất cả các quốc gia ghi nhận và bảo vệ nghiêm ngặt. Điều 20 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. Điều 1 Bộ luật hình sự cũng quy định: “ Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”.

Quận Thủ Đức là một quận vùng ven ở phía đông bắc của Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 47,76 km², có nhiều khu công nghiệp như khu công nghiệp Bình Chiểu, khu công nghiệp Linh Trung, Khu chế xuất Linh Trung... Bên cạnh những tác động tích cực thì sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng Internet và với mật độ dân số cao, dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động nhiều, trong số đó không ít người không có việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định, sự phát triển không đồng đều giữa các vùng dẫn đến hiện tượng tăng cơ học dân số tập trung ở một số thành phố lớn đây chính là những đối tượng có nguy cơ phạm tội cao, là nguồn “bổ sung” cho tội phạm nói chung trong đó có tội phạm về xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe. Đặc điểm này có ảnh hưởng nhất định đến tình hình tội phạm nói chung và tình

hành tội phạm xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe trong những năm qua trên địa bàn quận Thủ Đức nói riêng .

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác là một trong những tội phạm có xu hướng gia tăng, tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, tinh vi, các băng nhóm tội phạm xã hội đen đâm thuê, chém mướn ngày càng hoạt động tinh vi, chặt chẽ qua mặt các cơ quan chức năng, tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, việc giải thích và hướng dẫn áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự vẫn còn nhiều bất cập nên việc truy tố, xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, đôi khi xác định tội danh giữa tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người với tội giết người, giữa tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh....còn sai.

Chính vì vậy tác giả đã chọn đề tài: ***“Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Cho đến nay đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về định tội danh nói chung và định tội danh tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói riêng như: GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (phần các tội phạm), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2003, giáo trình sau đại học *“lý luận chung về định tội danh”*, Nxb Khoa học xã hội, năm 2013 và giáo trình sau đại học *“Luật hình sự Việt Nam”* phần các tội phạm, Nxb Khoa học xã hội, năm 2014; Tập thể tác giả do TSKH.GS Lê Cẩm chủ biên, *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)”*, Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2003; Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội năm 2016 của tác giả Trần Thị Cẩm Thu *“Định tội danh các*

tội xâm phạm sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang”, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội năm 2016 của tác giả Võ Thành Tâm “*Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh*”; các bài viết đăng trên các tập san, tạp chí về pháp luật...Các công trình này đã đi sâu nghiên cứu về những vấn đề lý luận cũng như làm rõ các đặc trưng pháp lý, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác theo quy định của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có công trình nghiên cứu về thực trạng định tội danh và áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cũng như việc chỉ ra những hạn chế, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với loại tội phạm này trong những năm gần đây.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; luận văn đề xuất các bảo đảm định tội danh đúng tội nói trên tại địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, luận văn thực hiện các nhiệm vụ:

3.2.1. Phân tích những vấn đề lý luận và pháp luật về định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

3.2.2. Phân tích, đánh giá thực trạng định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2.3. Phân tích các yêu cầu và đề xuất các giải pháp bảo đảm định tội danh đúng đối với tội này trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự, thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật trong định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đối tượng nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài luận văn nghiên cứu dưới góc độ pháp lý chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự.

Chất liệu thực tế nghiên cứu được thu thập từ hoạt động xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn lấy phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về chính sách hình sự, tội phạm, hình phạt, cải cách tư pháp... làm phương pháp luận nghiên cứu.

Luận văn còn lấy và sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như tổng hợp, điều tra thống kê, lấy ý kiến của chuyên gia, phân tích, so sánh để nghiên cứu đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa góp phần làm rõ các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, góp một phần nhỏ trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ hoạt động trong các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp, đồng thời có thể sử dụng cho việc tìm hiểu, nghiên cứu, giảng dạy.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam

Chương 2: Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Các yêu cầu và bảo đảm định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Na

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊNH TỘI DANH TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Định nghĩa

Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là giai đoạn cơ bản của quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, là một trong những biện pháp đưa luật hình sự vào cuộc sống xã hội, là tiền đề, cơ sở cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời góp phần vào việc thực hiện đường lối chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Vậy, định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là gì? Trong khoa học pháp lý hình sự và tố tụng hình sự, định tội danh được hiểu *“là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự”* [35, Tr.9]. Từ cách hiểu trên đây về định tội danh có thể hiểu: *“Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã xảy ra trên thực tế với các dấu hiệu của cấu thành tội này đã được quy định trong pháp luật hình Việt Nam”*.

1.1.2. Chủ thể định tội danh

Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một quá trình logic, là hoạt động tư duy do người tiến hành tố tụng (bao gồm điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Hội đồng xét xử) thực hiện để xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể đã được thực hiện với các yếu tố cấu thành tội cố ý

gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định trong Điều 104 BLHS năm 1999 và Điều 134 BLHS năm 2015, hay nói cách khác là việc xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể đã thực hiện thoả mãn đầy đủ hay không các dấu hiệu của cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1.1.3. Các bước thực hiện định tội danh

Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, được coi là cơ sở và tiền đề để cho hoạt động áp dụng pháp luật. Đó là quá trình xác định sự giống nhau, sự trùng lặp giữa các tình tiết cơ bản, điển hình của một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng được quy định trong Bộ luật hình sự. Vì thế để định tội danh chính xác, người định tội cần xác định đầy đủ các tình tiết đã xảy ra liên quan đến vụ án. Ngoài ra, họ cần phải có sự hiểu biết sâu sắc, chính xác pháp luật hình sự về cấu thành tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Quá trình định tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan.

Đối với bước này, đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn. Phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS. Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án. Đánh giá mỗi tình tiết của vụ án, phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra.

Bởi vì, cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất. Kết luận về từng tình tiết độc lập, không thể phản ánh đúng về bản chất của tình tiết đó trong toàn bộ diễn biến của vụ án.

Bước 2. Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu chính xác, đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm đó với các tình tiết của hành vi được thực hiện trong thực tế, trên cơ sở đó đưa ra kết luận có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi thực tế đã được thực hiện với cấu thành tội phạm được quy định trong điều, khoản của điều luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đồng thời khi tiên hành định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện có tình tiết định khung tăng nặng và trong những trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hoặc đồng phạm, phạm nhiều tội, ngoài việc nêu điểm, điều khoản của tội này còn phải viện dẫn các điều luật về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 17, 18 Bộ luật hình sự), đồng phạm (Điều 20 Bộ luật hình sự).

Thực chất của quá trình định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là sự xác định phù hợp giữa các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra với các dấu hiệu tương ứng được quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999 và Điều 134 BLHS năm 2015. Tất cả các dấu hiệu đó được tập hợp thành một hệ thống liên quan chặt chẽ với nhau và trở thành một khuôn mẫu pháp lý làm cơ sở cho người tiến hành tố tụng đối chiếu, so sánh với các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra ở ngoài thế giới khách quan, từ đó xác định được người đã thực hiện hành vi nguy hiểm đó có phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không. Điều 2 BLHS năm 1999 và Điều 2 BLHS năm 2015 quy định: “Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Cấu thành tội phạm chính là cơ sở của việc truy cứu trách nhiệm hình sự và như vậy cũng là cơ sở pháp lý của định tội danh. Bởi vì tội phạm được quy định trong BLHS dưới dạng

những khuôn mẫu pháp lý chứa đựng những dấu hiệu chung mang tính đặc trưng của từng tội phạm cụ thể và khuôn mẫu pháp lý đó chính là cấu thành tội phạm.

Trong số các văn bản quy phạm pháp luật trên thì BLHS là cơ sở pháp lý trực tiếp cho toàn bộ quá trình định tội danh. Các văn bản pháp luật còn lại chỉ với tính chất là cơ sở pháp lý bổ trợ (gián tiếp) cho quá trình này. Bởi vì:

Thứ nhất, khi xây dựng các quy phạm pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (nghĩa là thực hiện chức năng tội phạm hóa) nhà làm luật đã tìm xem các dấu hiệu nào là đặc trưng cơ bản nhất, phổ biến nhất và hay được lặp lại nhiều nhất trong những hành vi ấy, sau đó điển hình hóa và quy định chúng trong BLHS với tính chất là các dấu hiệu cấu thành tội phạm.

Thứ hai, điều luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã chứa đựng đầy đủ các dấu hiệu đặc trưng, điển hình bắt buộc không thể thiếu được của cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tất cả các dấu hiệu đó tập hợp thành một hệ thống liên quan chặt chẽ với nhau trở thành khuôn mẫu pháp lý (mô hình tội phạm), làm cơ sở cho người định tội danh so sánh, đối chiếu với hành vi phạm tội đã xảy ra.

Thứ ba, BLHS liệt kê tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Sự liệt kê đầy đủ này thể hiện một nguyên tắc đã được quy định tại Điều 2 BLHS năm 1999 và Điều 2 BLHS năm 2015: “*chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Quy định này loại trừ khả năng cho phép bất kỳ một cơ quan, một tổ chức, một cá nhân nào có sự thay đổi theo hướng mở rộng hay thu hẹp mô hình cấu thành tội phạm đã được quy định trong BLHS. Mà thẩm quyền này chỉ do một cơ quan duy nhất là Quốc hội thể hiện trong BLHS.

Thứ tư, các văn bản pháp luật khác chứa đựng các quy phạm pháp luật về nội dung chỉ là sự tiếp tục, cụ thể hóa các quy phạm đã được quy định trong BLHS là mô hình cấu thành tội phạm.

Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một quá trình phức tạp được tiến hành qua các giai đoạn tổ tụng hình sự, từ giai đoạn khởi tố vụ án cho đến giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, tuy nhiên ở giai đoạn xét xử việc định tội danh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Giải quyết đúng đắn vấn đề định tội danh là một đòi hỏi đặt ra cho mỗi người tiến hành tố tụng bởi lẽ đây là cơ sở cần thiết đầu tiên để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, xác định đúng được một người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay tội gì, được quy định tại điều khoản nào của BLHS, thì mới có thể quyết định chế tài tương xứng để áp dụng. Nếu định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không đúng có nghĩa là không lựa chọn đúng sự đánh giá của Nhà nước đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra trong thực tế, lựa chọn không đúng quy phạm pháp luật áp dụng đối với hành vi dẫn đến khả năng xử lý oan sai người vô tội, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội nhẹ thì bị định tội danh nặng hơn hoặc ngược lại. Điều đó sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, ảnh hưởng đến nền pháp chế xã hội chủ nghĩa và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bước 3: So sánh đối chiếu hai quá trình trên.

Bước 4: Ra văn bản áp dụng pháp luật chính là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về 3 bước trên để xác định tội danh cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội của người đó.

1.1.4. Ý nghĩa việc định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

- Thứ nhất, định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đúng sẽ là tiền đề cho cá thể hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt có căn cứ và đúng pháp luật, áp dụng chính xác các quy định của Bộ

luật hình sự về các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, hình phạt, tái phạm, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, án treo...

- Thứ hai, định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận chung của luật hình sự quốc tế và luật hình sự trong nhà nước pháp quyền (như pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước luật hình sự, không tránh khỏi trách nhiệm, công minh và nhân đạo).

- Thứ ba, định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đúng còn là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, thời hạn tạm giam, khởi tố vụ án hình sự, thẩm quyền điều tra, thẩm quyền xét xử... và bằng cách đó, góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự. “Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật”

Thứ tư, định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt hậu quả tiêu cực như không đảm bảo được tính công minh, có căn cứ và đúng pháp luật của hình phạt được quyết định, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt kẻ phạm tội, thậm chí xâm phạm thô bạo danh dự và nhân phẩm, các quyền và tự do của công dân như là những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung trong nhà nước pháp quyền, cũng như xâm phạm nền pháp chế, đồng thời còn làm giảm uy tín và hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật, giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm...

1.2. Cơ sở pháp lý của định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam

Cơ sở pháp lý của định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999 (mà theo BLHS năm 2015 là Điều 134), đó là các yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Các dấu hiệu định tội đó được quy

định trong các yếu tố của cấu thành tội phạm gồm khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người.

Đối tượng tác động của tội này đó là những chủ thể có quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe, đó chính là những con người đang sống, đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là một thực thể tự nhiên của xã hội.

1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội này gồm hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhận quả giữa hành vi và hậu quả

Hành vi khách quan đó là những hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.

Hậu quả của tội phạm. Đó là những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra được thể hiện dưới dạng thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác .

Hậu quả của tội hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những thương tích có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên, đây là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, do tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội nên trong một số trường hợp tuy tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng vẫn được coi như thỏa mãn dấu hiệu hậu quả được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 .

Mối quan hệ nhận quả giữa hành vi và hậu quả. Thể hiện giữa hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe có mối quan hệ nhân quả.

1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm. Bao gồm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội.

Lỗi là thái độ tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố

ý hoặc vô ý. Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp.

Hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện xuất phát từ những động cơ (tức động lực thúc đẩy phạm tội) khác nhau. Tuy nhiên, đối với định tội danh tội này, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể xuất phát từ những mục đích khác nhau, nhưng mục đích gây thương tích gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là dấu hiệu bắt buộc đối với định tội danh tội này. Mục đích xâm phạm sức khỏe người khác được coi là dấu hiệu phân biệt với tội giết người, ở đó mục đích của người phạm tội là hướng vào tước đoạt một cách trái pháp luật tính mạng (quyền được sống) của người khác.

1.2.4. Chủ thể của tội phạm

Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định.

Tại khoản 1 điều 104 Bộ luật hình sự là tội ít nghiêm trọng, đòi hỏi chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên.

1.3. Định tội danh theo các yếu tố của cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999 và Điều 134 BLHS năm 2015 là một tội thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Trên cơ sở khái niệm tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 8 BLHS cũng như quy định về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác tại Điều 104 BLHS năm 1999 và Điều 134 BLHS năm 2015 có thể định nghĩa khái quát về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như sau: Tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.

Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm cơ bản là định tội danh theo khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 (mà theo BLHS năm 2015 là khoản 1 Điều 134). Nói cách khác đó là định tội danh theo các dấu hiệu định tội của tội này. Các dấu hiệu định tội đó được quy định trong các yếu tố của cấu thành tội phạm gồm khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

- Định tội danh theo khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Sức khỏe của con người là vốn quý nhất của từng người và xã hội. Vì vậy, mọi hành vi xâm phạm sức khỏe con người bị pháp luật hình sự xử lý nghiêm minh. Do đó, khách thể của tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người.

Khi định tội danh theo khách thể của tội phạm cần lưu ý đến đối tượng tác động của tội phạm. Đối tượng tác động của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là bộ phận của khách thể của tội phạm, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ. Đó là những chủ thể có quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe, đó chính là những con người đang sống, đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là một thực thể tự nhiên của xã hội. Đối tượng tác động của tội này chính là người khác chứ không phải là người thực hiện hành vi CYGTT. Một người tự gây thương tích cho chính bản thân mình thì không thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách thể, tùy từng trường hợp cụ thể có thể cấu thành các loại tội phạm khác nhau.

- Định tội danh theo mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Những biểu hiện bên ngoài mà con người có thể trực tiếp nhận biết được, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành vi khách quan), hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện, hoàn cảnh, địa điểm phạm tội. Định tội danh theo mặt khách quan của tội phạm, vì vậy là xác định những dấu hiệu đó.

Hành vi khách quan

Hành vi khách quan là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan dưới những hình thức cụ thể nhằm đạt được những mục đích có chủ định và mong muốn. Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có 3 đặc điểm như sau:

- Thứ nhất, hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tính nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện bởi các hành động như đâm, đánh, chém, bắn, cho uống thuốc độc... Những hành vi này, khi tác động vào cơ thể con người, gây tổn thương một bộ phận, một số bộ phận trên cơ thể hoặc toàn bộ cơ thể, hoặc gây tổn hại bằng cách làm suy giảm hoặc làm mất chức năng của một cơ quan nào đó trong cơ thể của con người như làm suy giảm khả năng lao động, sinh hoạt hoặc mất khả năng suy nghĩ, học tập, lao động sáng tạo của nạn nhân.

- Thứ hai, hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được ý thức kiểm soát và ý chí điều khiển, đó chính là hành vi tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gắn liền với ý thức chủ quan của người phạm tội được thực hiện với lỗi cố ý.

- Thứ ba, hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành trái pháp luật hình sự: Pháp luật hình sự ngăn cấm những hành vi xâm hại sức khỏe của con người, thể hiện BLHS quy định

những hành vi tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là tội phạm khi hậu quả có tính chất nghiêm trọng.

Hậu quả

Hậu quả của tội phạm là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho những quan hệ xã hội là khách thể bảo vệ của luật hình sự. Thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho các quan hệ xã hội, bao gồm: (i) Thiệt hại về vật chất; (ii) Thiệt hại về sức khỏe; (iii) Thiệt hại về tinh thần.

Thiệt hại do hành vi phạm tội hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gây ra chủ yếu là thiệt hại về sức khỏe của nạn nhân, nhưng trong một số trường hợp thì hành vi phạm tội có thể gây ra cho nạn nhân thiệt hại về vật chất và tinh thần.

Hậu quả của tội hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những thương tích có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên. Tuy nhiên, do tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội nên trong một số trường hợp tuy tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng vẫn được coi như thỏa mãn dấu hiệu hậu quả. Những trường hợp này được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 như sau:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người.

* “Dùng hung khí nguy hiểm” là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm [15, tr.2]

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Cố tật là những tật để lại trên cơ thể con người sau khi đã chữa khỏi vết thương. Đó là tình trạng cơ thể bị thay đổi do bị tội phạm xâm hại và sự thay đổi này có thể theo suốt cả cuộc đời của họ.

Cố tật nhẹ là những tật để lại không bị ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể sự hoạt động bình thường của nạn nhân so với trước khi người phạm tội gây thương tích. Chẳng hạn: Sau khi bị đánh gãy tay, đã được bó bột nhưng tay vẫn không được thẳng như bình thường và có một ngón không co duỗi được...[23,tr.83]
“Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc

gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được một bộ phận cơ thể nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng của một bộ phận cơ thể nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. [15, tr.2]

c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người

Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người để xét xử bị cáo theo khoản 01 Điều 104 của BLHS trong các trường hợp sau đây:

+ tội cố ý gây thương tích từ hai lần trở lên mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của BLHS.

+ Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của BLHS.

d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ

Chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già” đối với các trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già.

* Trẻ em được xác định là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

* “Phụ nữ có thai” được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang có thai hay không hoặc giữa lời khai bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

* “Người già” được xác định là người từ 70 tuổi trở lên”

đ) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình

- Ông, bà gồm ông bà nội (người sinh ra cha của người phạm tội), ông bà ngoại (người sinh ra mẹ của người phạm tội);

- Cha, mẹ, bao gồm cha mẹ ruột là người đã sinh ra người phạm tội, cha mẹ nuôi là người tuy không sinh ra người phạm tội nhưng đã nhận người phạm tội làm con nuôi và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

- Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, quản lý, giáo dục như vai trò của bố mẹ mình.

- Nạn nhân phải là thầy giáo, cô giáo tức là người đã hoặc đang làm công tác giảng dạy theo biên chế hoặc theo hợp đồng tại cơ quan, tổ chức có chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn.

e) Có tổ chức

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (Điều 20 BLHS).

g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

Để xác định thời gian này cần phải căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam hoặc thời gian đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.

Cấu thành này bao gồm hai tình tiết CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là thuê người khác gây thương tích hoặc được thuê để gây thương tích. Chỉ cần có một trong hai tình tiết trên thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm có tính hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác; gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm đánh người dã man.

Tái phạm là những trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp:

a. Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b. Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý.

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân

Công vụ là một công việc mà cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một người thực hiện. Người thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội, thi hành nhiệm vụ do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho hoặc những công dân được huy động để làm nhiệm vụ theo kế hoạch của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phục vụ lợi ích chung của Nhà nước:

Cản trở người thi hành công vụ là trường hợp người phạm tội đã có hành vi tội cố ý gây thương tích cho nạn nhân là người thi hành công vụ nhằm làm cho nạn nhân không thể thực hiện được chức năng, nhiệm vụ được giao. Hành vi cản trở

người thi hành công vụ có thể được thực hiện khi nạn nhân đang chuẩn bị để thực hiện công vụ, đã chuẩn bị xong và bắt đầu thực hiện công vụ hoặc đang thi hành công vụ.

Phạm tội vì lý do công vụ của nạn nhân thể hiện nhiệm vụ mà nạn nhân được giao có ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội nên người phạm tội đã chủ động gây thương tích cho nạn nhân. Động cơ của hành vi gây thương tích gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân nhằm trả thù nạn nhân. Hành vi phạm tội được thực hiện sau khi nạn nhân đã thi hành công vụ.

Trong trường hợp tội cố ý gây thương tích để cản trở người thi hành công vụ mà hậu quả không xảy ra, nạn nhân không bị thương tích thì người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 257 BLHS, về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 bổ sung những trường hợp sau:

b) Dùng a-xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất gây nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

i) Lợi dụng chức vụ quyền hạn.

k) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

** Mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả*

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc loại tội phạm có cấu thành vật chất, được thể hiện qua các dấu hiệu của mặt khách quan là hành vi và hậu quả, giữa hành vi khách quan và hậu quả phải có mối quan hệ nhân quả. Có nghĩa, hậu quả phải do chính hành vi tội cố ý gây thương tích tạo ra và tội phạm hoàn thành kể từ khi người phạm tội gây ra hậu quả.

- Định tội danh theo chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chủ thể của tội phạm theo Luật hình sự Việt Nam chỉ có thể là những con người cụ thể và người phải có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất

định. Năng lực trách nhiệm hình sự là một điều kiện cần thiết để có thể xác định một người có lỗi khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Như vậy định tội danh theo chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là xác định các dấu hiệu thuộc về chủ thể của tội này liên quan đến độ tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự.

“Người có năng lực trách nhiệm hình sự là người, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy”. [10, tr.104]

Khả năng nhận thức của một người chỉ có thể có được, khi người đó trải qua một quá trình hoạt động và giáo dục nhất định trong điều kiện xã hội. Trên cơ sở đó, họ có khả năng nhận thức và có khả năng lựa chọn xử sự khác không nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, con người phải đạt được một độ tuổi nhất định mới có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Cấu thành tội phạm cơ bản theo khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 là tội ít nghiêm trọng, đòi hỏi chủ thể là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2, Điều 12 BLHS năm 2015 thì người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Định tội danh theo mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt chủ quan của tội phạm là mặt bên trong của tội này bao gồm các dấu hiệu lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội. Như vậy, định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là xác định các dấu hiệu đó.

Lỗi là thái độ tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra được biểu hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp.

Tuy nhiên khi định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho

sức khỏe của người khác, chỉ cần xác định lỗi là lỗi cố ý là đủ, tức hành vi đã xảy ra cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xét từ góc độ lỗi trong mặt chủ quan của tội phạm.

Hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện xuất phát từ những động cơ (tức động lực thúc đẩy phạm tội) khác nhau. Tuy nhiên, đối với định tội danh tội này, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể xuất phát từ những mục đích khác nhau, nhưng mục đích gây thương tích gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là dấu hiệu bắt buộc đối với định tội danh tội này. Mục đích xâm phạm sức khỏe người khác được coi là dấu hiệu phân biệt với tội giết người, ở đó mục đích của người phạm tội là hướng vào tước đoạt một cách trái pháp luật tính mạng (quyền được sống) của người khác.

1.4. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác theo cấu thành tội phạm tăng nặng

Định tội danh theo cấu thành tội phạm tăng nặng là định tội danh theo các dấu hiệu định khung tăng nặng hay là các tình tiết định khung tăng nặng được quy định theo khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 (theo BLHS năm 2015 đó là khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 134) đó là những tình tiết quy định tại khoản 1, Điều 134 (nhưng loại trừ tình tiết quy định tại điểm c “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân”):

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên;

Hung khí nguy hiểm là vật sắc nhọn có tính sát thương và gây nguy hiểm cao cho nạn nhân hoặc sử dụng các thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người như dùng bom xăng, dầu độc nguồn nước...

b) Dùng a-xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 quy định thêm đây là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đặc biệt quy định a-xít sunfuric là

một loại a-xít thông dụng và thường được sử dụng để tấn công gây ra những hậu quả đau đớn về mặt thể xác lẫn tinh thần cho nạn nhân.

- d) Phạm tội 02 lần trở lên;
- đ) Phạm tội đối với 02 người trở lên;
- e) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
- g) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng mình, thầy giáo, cô giáo của mình;
- h) Có tổ chức;
- i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- k) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- l) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe do được thuê;
- m) Có tính chất côn đồ;
- n) Tái phạm nguy hiểm;
- o) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.*

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

Phạm tội theo cấu thành tội phạm tăng nặng khoản 2 là căn cứ vào hậu quả tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% và các dấu hiệu trên để định khung hình phạt tăng nặng.

3. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 04 năm đến 07 năm.

Phạm tội theo cấu thành tội phạm tăng nặng tại khoản 3 là căn cứ vào hậu quả là tỉ lệ thương tật từ 31% đến 60% để định khung hình phạt tăng nặng.

4. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

5. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều này hoặc dẫn đến chết người, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

Phạm tội theo cấu thành tội phạm tăng nặng khoản 5 là căn cứ vào hậu quả tỉ lệ thương tật từ 61% trở lên và các dấu hiệu trên để định khung hình phạt tăng nặng.

6. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Làm chết 02 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên; c) Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

Phạm tội theo cấu thành tội phạm tăng nặng khoản 6 là căn cứ vào hậu quả tỉ lệ thương tật và các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng như trên để định khung hình phạt tăng nặng.

1.5. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong những trường hợp đặc biệt

1.5.1. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trường hợp phạm nhiều tội

Phạm nhiều tội là trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm khác nhau, trong đó có tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà các tội này chưa bị xét xử nay đưa ra xét xử một lần. Như vậy phạm nhiều

tội có các dấu hiệu đặc trưng cơ bản khác với các hình thức phạm tội khác, đó là dấu hiệu liên quan đến việc xác định một người đã có lỗi trong việc thực hiện từ hai tội phạm trở lên và các hành vi phạm tội đều được quy định tại các điều luật khác nhau trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự và cuối cùng là dấu hiệu người phạm tội chưa bị xét xử về tội nào trong số các tội đó.

Một vấn đề cơ bản và cũng rất quan trọng khi xác định hành vi phạm tội của người phạm nhiều tội đó là hành vi phạm tội đó là hành vi thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành cơ bản của các tội danh xâm phạm sức khỏe của người khác khác nhau được quy định trong BLHS, hay đó là hành vi phạm nhiều tội được quy định trong cùng một tội danh nhưng tại các khoản khác nhau. Các tội phạm mà người phạm tội có thể thực hiện trong cùng một khoảng thời gian (trong trường hợp hành vi cấu thành nhiều tội) hay vào các thời gian khác nhau. Khi định tội danh, người định tội danh định tội danh đối với từng tội cụ thể và khi kết luận cũng phải kết luận theo các tội cụ thể mà người phạm tội đã thực hiện.

1.5.2. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trường hợp đồng phạm

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể chỉ do một người thực hiện nhưng cũng có thể do nhiều người cùng thực hiện. Khi có nhiều người cố ý cùng thực hiện, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì thuộc trường hợp đồng phạm. Trong luật hình sự, đồng phạm được coi là hình thức phạm tội đặc biệt. Cơ sở và phạm vi trách nhiệm hình sự trong đồng phạm có điểm khác so với trường hợp phạm tội riêng lẻ và do vậy có những điều luật riêng quy định bổ sung về trách nhiệm hình sự của đồng phạm cũng như từng loại người đồng phạm và quy định những nguyên tắc xử lý có tính chất riêng biệt cho trường hợp phạm tội này. Điều 20 BLHS năm 1999 quy định: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

Đồng phạm là hình thức phạm tội đặc biệt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bởi trường hợp phạm tội này có nhiều

người cố ý tham gia. Như vậy, để có đồng phạm đòi hỏi phải có từ hai người trở lên tham gia và thỏa mãn những điều kiện nhất định. Với sự tham gia của nhiều người thì không thể có người thực hiện tội phạm mà có thể có người cùng thực hiện tội phạm hoặc có người giúp sức thực hiện tội phạm, hoặc có người xúi giục thực hiện tội phạm hoặc có người tổ chức thực hiện tội phạm. Chỉ khi có nhiều người tham gia vào việc phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì việc kiểm tra các dấu hiệu của đồng phạm mới đặt ra. Sự tham gia của nhiều người phạm tội có thể là đồng phạm và cũng có thể không là đồng phạm.

Khác với cấu thành tội phạm cơ bản của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đồng phạm được quy định là tình tiết định khung tăng nặng của tội này. Dấu hiệu của các hành vi tổ chức, xúi giục, giúp sức thực hiện tội phạm được quy định trong các quy phạm phần chung Bộ luật hình sự. Đó là các dấu hiệu có tính chất chung cho tất cả các tội danh nhưng chưa phải là cấu thành đồng phạm của một tội phạm cụ thể nào. Cấu thành tội phạm này chỉ được hình thành trên cơ sở kết hợp cấu thành tội phạm của tội cụ thể với những quy định chung của bộ luật. Đồng thời, các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành đồng phạm là dấu hiệu định tội cho trường hợp phạm tội của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức thực hiện tội phạm.

Theo quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999 và Điều 17 BLHS năm 2015 khi định tội đối với trường hợp đồng phạm, cần xem xét, kiểm tra các dấu hiệu sau đây:

Thứ nhất, hành vi phạm tội cố ý cùng tham gia gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải xâm hại cùng khách thể. Theo đó, để xác định những người trong đồng phạm có cố ý cùng thực hiện một tội phạm hay không. Nếu họ cùng cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và cùng biết là hành vi của họ cùng xâm hại vào một khách thể, thì đó là đồng phạm.

Thứ hai, về mặt khách quan của đồng phạm phải thỏa mãn hai dấu hiệu: có từ hai người trở lên và những người này có đủ điều kiện là chủ thể của tội phạm, đồng thời những người này phải cùng thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

Nếu không có một trong những hành vi này thì không thể coi là cùng thực hiện và do vậy cũng không thể là người đồng phạm. Mặt khác, trong vụ đồng phạm có thể có đủ bốn loại hành vi tham gia nhưng cũng có thể chỉ có một loại hành vi. Người đồng phạm có thể tham gia với một loại hành vi nhưng cũng có thể tham gia với nhiều loại hành vi khác nhau. Họ có thể tham gia từ đầu nhưng cũng có thể tham gia khi tội phạm đã xảy ra nhưng chưa kết thúc. Bằng các hành vi cụ thể như vậy, những người tham gia vào vụ án với vai trò đồng phạm đều có hành vi nguy hiểm cho xã hội. Những hành vi đó được thực hiện trong mối liên kết thống nhất với nhau. Hành vi của mỗi người là điều kiện hỗ trợ cho sự hoạt động chung. Có thể tất cả những người đồng phạm đều cùng trực tiếp thực hiện tội phạm và tổng hợp những hành vi của họ tạo thành hành vi phạm tội có đủ những dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhất định. Nhưng cũng có thể chỉ có một hoặc một số người trực tiếp thực hiện tội phạm còn những người khác chỉ có hành vi góp phần vào việc thực hiện tội phạm. Hậu quả của tội phạm là kết quả chung do hoạt động của tất cả những người tham gia vào việc thực hiện tội phạm đưa lại. Giữa hành vi của mỗi người và hậu quả của tội phạm đều có quan hệ nhân quả. Hành vi của người thực hành là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh hậu quả còn hành vi của những người khác (tổ chức, xúi giục, giúp sức) thông qua hành vi của người thực hành mà gây ra hậu quả.

Về mặt chủ quan, đồng phạm đòi hỏi những người cùng thực hiện tội phạm đều có lỗi cố ý. Ngoài ra, đối với những tội phạm có dấu hiệu mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc, đồng phạm đòi hỏi những người cùng thực hiện phải có cùng mục đích phạm tội đó.

Dấu hiệu lỗi, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, mỗi người đồng phạm không chỉ cố ý với hành vi của mình mà còn biết và mong muốn sự cố ý tham gia của những người đồng phạm khác. Lỗi cố ý trong đồng phạm được thể hiện trên hai mặt lý trí và ý chí.

Dấu hiệu mục đích, ngoài hai dấu hiệu cùng thực hiện và cùng cố ý, đồng phạm đòi hỏi dấu hiệu cùng mục đích trong trường hợp đồng phạm những tội có mục đích là dấu hiệu bắt buộc.

1.6. So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội khác về dấu hiệu pháp lý tương tự

1.6.1. So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có 02 điểm khác nhau đó là:

- Về chủ thể

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chủ thể thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của nạn nhân đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình.

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chủ thể thực hiện hành vi phạm tội không có bị kích động mạnh, hoặc nếu có kích động thì cũng không phải là kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của nạn nhân đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình.

- Về hậu quả

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì hậu quả thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do hành phạm tội gây ra đối với nạn nhân ở mức độ có tỷ lệ thương tật là 31% trở lên

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với nạn nhân ở mức độ có tỷ lệ thương tật là 11% trở lên, hoặc tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

1.6.2. So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có 02 điểm khác nhau đó là:

- Về chủ thể

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội do động cơ phòng vệ nhưng đã vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chủ thể thực hiện hành vi phạm tội không phải do phòng vệ mà do nhiều lý do khác nhau hoặc vô cớ, coi thường pháp luật...

- Về hậu quả

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì hậu quả thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do hành phạm tội gây ra đối với nạn nhân ở mức độ có tỷ lệ thương tật là 31% trở lên

Ở tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe đối với nạn nhân ở mức độ có tỷ lệ thương tật là 11% trở lên, hoặc tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho thấy được vai trò, ý nghĩa quan trọng cũng như các giai đoạn của việc định tội danh tội này. Những quy định này, là cơ sở là tiền đề quan trọng trong việc quyết định quá trình áp dụng pháp luật trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh làm oan người vô tội. Chúng ta thấy rằng, việc định tội danh đúng có ý nghĩa rất

quan trọng, là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật và việc định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: Nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm.

Chương 2:

ĐỊNH TỘI DANH TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát tình hình thụ lý, xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong 05 năm từ 2011 đến 2015, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý 233 vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác, kịp thời đưa ra xét xử nhiều vụ án có qui mô lớn, nhiều vụ xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản...gây hậu quả nghiêm trọng, nhiều vụ án được dư luận quan tâm. Qua đó đã góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tuyên truyền pháp luật. Mặc dù áp lực lượng án trên từng Thẩm phán là rất lớn nhưng lượng án tồn quá hạn luật định không ngừng giảm xuống, tỉ lệ án bị hủy sửa luôn thấp hơn mức qui định của TANDTC.

Qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua thì tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chiếm tỉ lệ cao nhất trong nhóm các tội phạm xâm phạm về tính mạng sức khỏe. Thông qua công tác xét xử, tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác khác tại địa bàn đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đã có tác dụng thiết thực tuyên truyền pháp luật và răn đe tội phạm.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được thì thực tiễn chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thường gặp nhiều khó khăn, phức tạp, kéo dài, đã gây nhiều dư luận không tốt trong nhân dân, do chất lượng điều tra, truy tố dẫn đến tình trạng hồ sơ phải trả điều tra bổ sung nhiều, nhiều lần nhưng tập trung chủ yếu là xung đột về pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng gây ra những hoài nghi, làm giảm hiệu quả trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Việc giám định pháp y thương tích cho nạn nhân chưa đảm bảo về thời hạn, còn nhiều bất cập dẫn đến nhiều trường hợp giám định nhiều lần nhưng kết quả hoàn toàn trái ngược nhau, làm cho việc truy tố, xét xử gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, việc truy tố và xét xử các bị cáo, còn nhiều quan điểm khác nhau chưa thống nhất trong việc xử lý tội phạm, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng số lượng vụ án trả điều tra bổ sung luôn chiếm tỷ lệ lớn trong các tội phạm. Một số vụ án xét xử kéo dài do phải phúc thẩm, giám đốc thẩm hủy án, phải xử lý lại từ đầu, làm giảm hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Thực trạng đó được thể hiện qua số liệu thống kê về công tác thụ lý xét xử tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Bảng 2. 1. Phân tích tình hình thụ lý xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong thời gian từ 2011 – 2015

Năm	Số thụ lý		Chuyển hồ sơ		Số đã xét xử		Trả lại Viện kiểm sát		Số đình chỉ vụ án		Còn lại	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2011	36	57	0	0	21	29	12	23	0	0	3	5
2012	47	60	0	0	22	25	15	20	0	0	10	15
2013	58	97	0	0	33	54	11	28	0	0	14	15
2014	63	90	0	0	42	62	14	21	2	2	5	5
2015	56	104	0	0	37	52	17	49	0	0	1	1
Tổng cộng	233	375	0	0	155	222	69	141	2	2	33	41

(Nguồn Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng 2.2. Thực trạng áp dụng các chế tài đối với các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác từ năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm	Giải Quyết		Hình phạt					Phạt tù trên 15 năm đến chung thân
	Vụ	Bị Cáo	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Phạt tù đến 03 năm	Phạt tù trên 3 năm đến 7 năm	Phạt tù từ trên 7 đến 15 năm	
2011	21	29	00	01	20	08	00	00
2012	22	25	00	02	14	09	00	00
2013	33	54	00	09	25	15	05	00
2014	42	62	00	06	50	06	00	00
2015	37	52	00	04	30	17	01	00
Tổng cộng	155	222	00	22	139	55	06	00

(Nguồn Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

2.2. Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm cơ bản

2.2.1. Thực tiễn định tội danh

Trong thời hạn 05 năm từ 2011 đến 2015, như đã nhấn mạnh, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử 155 vụ án với 222 bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999. Trong đó, có 25 vụ với 38 bị cáo có kháng cáo kháng nghị xét xử phúc thẩm. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm tuyên y án 24 vụ, hủy 01 vụ từ cố ý gây thương tích chuyển sang tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động. Thể hiện qua bảng thống kê dưới đây:

Bảng 2.3. Thực trạng xét xử phúc thẩm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các vụ án do TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm

Năm	Giải Quyết		Kháng cáo, kháng nghị				
	Vụ	Bị Cáo	Vụ	Bị cáo	Y án	Sửa tội danh	Hủy án
2011	21	29	05	10	05	01	01
2012	22	25	08	12	08	00	00
2013	33	54	10	18	08	00	00
2014	42	62	07	06	03	00	00
2015	37	52	03	05	03	00	00
Tổng cộng	155	222	33	51	27	00	00

(Nguồn Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Từ thực tiễn xét xử trên, về cơ bản Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã định tội danh đúng, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc định tội danh đúng xuất phát từ BLHS có quy định rõ ràng, đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử (thẩm phán và hội thẩm nhân dân) có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, am hiểu pháp luật, có kinh nghiệm xét xử, có trách nhiệm, bốn phần trước con người. Định tội danh đúng đã tác động tích cực đến người phạm tội, giúp họ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền được bảo vệ và tôn trọng sức khỏe của con người, phòng ngừa tái phạm và răn đe giáo dục người khác, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

2.2.2. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong định tội danh theo cấu thành tội phạm cơ bản và nguyên nhân

Hoạt động định tội danh như đã nhấn mạnh có tầm quan trọng mang tính quyết định đối với hoạt động xét xử. Tuy nhiên qua công tác xét xử thực tiễn cũng

nghư nghiên cứu một số bản án điển hình của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã cho thấy rằng từ lý luận đến thực tiễn xét xử vẫn có những khoảng cách khá xa. Hoạt động định tội danh sai trong thực tiễn xét xử đã dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật hình sự, tác giả xin phân tích một số vụ án điển hình để làm rõ vấn đề này:

Vụ án với bản án số 12/2011/HSST ngày 27/7/2011 của TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với Phan Thị Dấu và Nguyễn Thị Thu Hà về tội cố ý gây thương tích có nội dung: Do có mâu thuẫn về việc Nguyễn Thị Thu Hà nghi ngờ bà Phan Thị Dấu nói với anh Nguyễn Bảo Ngân (là chồng của chị Hà) biết sự việc Hà có quan hệ nam nữ bất chính với anh Nguyễn Duy Cường. Nên lúc 18h30' ngày 18/02/2009, chị Hà đi cùng anh Ngân, anh Cường, Nguyễn Ngọc Bích Vân và Trần Hoàng Long đến gặp bà Dấu tại xe bán bánh mì trước Bưu điện quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Hà gây gỗ chưởi mắng rồi lao vào xô xát với bà Dấu. Lúc này bà Dấu đang cầm trên tay phải con dao dài 30cm (dùng xắt thịt bán bánh mì) liền chém một nhát từ trên xuống trúng vào đầu chị Hà gây thương tích. Ngay lúc đó, chị Hà chụp lấy con dao của bà Dấu giằng co nên chị Hà bị một vết thương ở lòng bàn tay trái và đẩy bà Dấu té ngồi trên ghế nhựa. Chị Hà liền lấy con dao Thái Lan dài 18,5cm trên xe bánh mì của bà Dấu đâm nhiều nhát trúng vào vùng ngực, vùng mặt, vùng đầu và cổ của bà Dấu làm con dao bị gãy cán. Sau đó, mọi người can ngăn đưa cả hai người đến Bệnh viện quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả giám định thương tật số 1200/TgT.09 ngày 17/8/2009 kết luận Nguyễn Thị Thu Hà bị thương tích: *“vết thương đầu tại vùng trán gây rách da, nứt bản ngoài xương sọ dài 04cm, đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn sẹo trán 10 x 0,2cm, ảnh hưởng thẩm mỹ. Vết thương bàn tay trái đã được điều trị hiện còn dấu rất mờ tại lòng bàn tay, ổn định. Tỷ lệ thương tật toàn bộ 21% vĩnh viễn”*. Theo kết quả giám định thương tật số 778/TgT.09 ngày 09/6/2009 của Trung tâm pháp y TP. Hồ Chí Minh kết luận Phan Thị Dấu bị thương tích: *“Đa vết thương phần mềm gây rách da tạo sẹo trên mắt trái 3 x 0,1cm;*

sẹo má trái 1,5 x 0,1cm, sẹo mờ má phải 1 x 0,1cm; 2,5 x 01,cm và 0,5 x 0,1cm có ảnh hưởng thẩm mỹ một phần. Đa vết thương phần mềm tạo sẹo vết giảm sắc tố gia vùng cổ trái 9 x 0,1cm, ổn định. Tỷ lệ thương tật toàn bộ: 13% vĩnh viễn”.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Thị Dầu phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 2, Điều 104 BLHS, xử phạt 02 năm tù; Nguyễn Thị Thu Hà phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 2, Điều 104 với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 46 BLHS là *“phạm tội trong trường hợp bị kích động về tình thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra”*, xử phạt 01 năm tù. Sau đó chị Hà kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhận định hành vi của Nguyễn Thị Thu Hà có dấu hiệu phạm tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1, Điều 105 BLHS nên hủy một phần bản án chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo tội danh trên. Sau đó Nguyễn Thị Thu Hà đã được đình chỉ điều tra vì tỉ lệ thương tật gây ra cho bà Dầu chưa đủ định lượng để xử lý về tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Qua phân tích các vụ án trên có thể thấy việc định tội danh không chính xác đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thực hiện hành vi phạm tội, tạo ra sự mất bình đẳng và sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Cùng một hành vi phạm tội nhưng phải chịu hình phạt hoàn toàn khác nhau. Bên cạnh đó còn vi phạm nghiêm trọng về thời hạn tạm giam, tạm giữ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thời hạn xóa án tích...

Mặc dù việc định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đảm bảo đúng, chính xác tội danh mà người thực hiện hành vi phạm tội gây ra. Tuy nhiên cũng có những sai lầm, thiếu sót trong việc xác định tội danh, định tội danh sai so với diễn biến

hành vi phạm tội, điều này đã làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh..

Việc định tội danh tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy những khó khăn, vướng mắc sau đây:

Thứ nhất, Điều 104 BLHS năm 1999 quy định, người có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng nếu có thêm một trong các dấu hiệu được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 thì vẫn cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, do điều luật không quy định mức tỷ lệ thương tật tối thiểu là bao nhiêu phần trăm để truy cứu trách nhiệm hình sự nên có trường hợp người gây thương tích cho người khác làm tổn hại 1% sức khỏe cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai là, nhiều tội chưa có ranh giới rõ ràng như cố ý gây thương tích với cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần kích động mạnh, hay cố ý gây thương tích dẫn đến chết người với tội giết người... Vì thế, việc xác định tội danh của người phạm tội thường gây ra nhiều quan điểm khác nhau giữa các ngành tố tụng cũng như giữa các cấp xét xử.

Thứ ba là, Trong tội cố ý gây thương tích do vượt quá phòng vệ chính đáng, làm sao xác định sự chống trả như thế nào là cần thiết hay không cần thiết?

2.3 Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tăng nặng

2.3.1. Thực tiễn định tội danh

Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 cho thấy trong tổng số 155 vụ về tội nói trên có 61 vụ được định tội danh theo cấu thành tăng nặng, trong số đó có 21 vụ bị kháng cáo hoặc kháng nghị, thể hiện qua bảng thống kê dưới đây:

Bảng 2.4. Thực trạng xét xử phúc thẩm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với các vụ án do TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm theo cấu thành tăng nặng.

Năm	Giải Quyết		Kháng cáo, kháng nghị				
	Vụ	Bị Cáo	Vụ	Bị cáo	Y án	Sửa tội danh	Hủy án
2011	21	29	03	05	03	00	00
2012	22	25	05	07	03	00	00
2013	33	54	07	08	08	00	00
2014	42	62	04	05	03	00	00
2015	37	52	02	03	02	00	00
Tổng cộng	155	222	21	28	19	00	00

(Nguồn Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Từ thực tiễn xét xử trên, về cơ bản Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã định tội danh đúng, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc định tội danh đúng xuất phát từ BLHS có quy định rõ ràng, đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử (thẩm phán và hội thẩm nhân dân) có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, am hiểu pháp luật, có kinh nghiệm xét xử, có trách nhiệm, bản phận trước con người. Định tội danh đúng đã tác động tích cực đến người phạm tội, giúp họ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền được bảo vệ và tôn trọng sức khỏe của con người, phòng ngừa tái phạm và răn đe giáo dục người khác, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

2.3.2 Khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm tăng nặng.

* Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tăng nặng cho thấy Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn một số trường hợp định tội danh không đúng. Dưới đây là một trong những trường hợp như vậy:

- Tại bản án hình sự số 152/2014/HSST ngày 26/7/2014 TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Nguyễn Minh Trung về tội cố ý gây thương tích và áp dụng khoản 2 điều 104 thuộc điểm b (gây cố tật nhẹ cho nạn nhân) khoản 1 Điều 104, Điểm p khoản 1 của BLHS xử phạt Nguyễn Minh Trung 02 năm tù.

Vụ án có nội dung tóm tắt: Ông Hà Công Danh là bảo vệ khu công nghiệp Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có mâu thuẫn với nhau trước đó nên khi Nguyễn Minh Trung vào làm việc thì Hà Công Danh yêu cầu xuất trình thẻ nhưng Nguyễn Minh Trung không xuất trình được thẻ nên Hà Công Danh không cho vào, hai bên cãi vã dẫn đến xô xát nhau, Nguyễn Minh Trung đã lấy một khúc cây cần đồ đánh một cái trúng vào thái dương và vùng mặt bên trái của Hà Công Danh gây thương tích. Kết luận giám định pháp y số 151/TGT.13 ngày 26/02/2013 của Trung tâm pháp y, sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y thương tật Hà Công Danh: Đa vết thương phần mềm hiện còn: Vết tăng sắc tố da phẳng kích thước 1,5x1 cm tại thái dương trái. Hai sẹo màu nâu phẳng tại vùng gò má trái kích thước 4,5x0,3 cm và 1,5x0,2 cm có ảnh hưởng thẩm mỹ. Mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra là 17%

Với hành vi trên, bản án đã xét xử bị cáo Nguyễn Minh Trung về tội cố ý gây thương tích là đúng tội danh. Tuy nhiên áp dụng tình tiết định khung tăng nặng gây cố tật nhẹ cho nạn nhân theo điểm b khoản 1 Điều 104 và từ đó xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 của BLHS là không đúng, bởi lẽ căn cứ vào nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao

hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì chỉ được áp dụng tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân khi tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11% khi thuộc trường hợp làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân.

- Tại bản án hình sự số 357/2015/HSST ngày 09/8/2015, TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Lâm Quang Dũng về tội cố ý gây thương tích và áp dụng khoản 2 điều 104 thuộc (điểm d khoản 1 điều 104- đối với phụ nữ đang có thai), Điểm p khoản 1 của BLHS xử phạt Lâm Quang Dũng 02 năm 06 tháng tù.

Nội dung vụ án như sau: Do trước đó bà Hoàng Thị Mỹ Hiền có xảy ra mâu thuẫn trong việc buôn bán với mẹ ruột của Lâm Quang Dũng là bà Hồ Kim Phụng nên Dũng và Hiền xảy ra cãi vã. Do tức giận, khoảng 20 giờ 20 phút ngày 21/02/2016 trong lúc đang nhậu tại nhà; Dũng nhớ chuyện cũ nên chạy xuống kệ bếp lấy một cây kéo dùng để cắt thực phẩm giấu vào túi quần bên phải, sau đó Dũng mượn xe mô tô loại Yamaha Exciter màu đỏ đen, biển kiểm soát 52X1-5158 của ông Châu Thanh Phương để đi công chuyện. Dũng điều khiển xe Exciter màu đỏ đen, biển kiểm soát 52X1-5158 đến quán bún riêu của bà Hiền trước số nhà 69, Quốc lộ 13, khu phố 1, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm bà Hiền nói chuyện. Khi đến nơi, Dũng dựng xe cách bà Hiền khoảng 01 mét, bà Hiền thấy Dũng nên đứng dậy thì Dũng dùng tay phải lấy cây kéo trong túi quần ra đâm một cái trúng tay trái bà Hiền nên bà Hiền bỏ chạy nhưng bị vấp ngã, lúc này Dũng tiếp tục dùng kéo đâm trúng đầu bà Hiền gây thương tích. Sau đó Dũng cầm kéo, điều khiển xe tẩu thoát. Bà Hiền được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện nhân dân Gia Định.

Ngày 21/02/2016 bà Hiền có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Lâm Quang Dũng.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 98/TgT.16 ngày 01/3/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của bà Hoàng Thị Mỹ Hiền bị thương tật 17%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 99/TgT.16 ngày 01/3/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận bà Hoàng Thị Mỹ Hiền đang có thai 02 tháng.

Bản án nhận định bị cáo Lâm Quang Dũng đã có hành vi dùng cây kéo là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bà Hoàng Thị Mỹ Hiền là người đang có thai, bà Hiền bị thương tật 17% nên đã áp dụng khoản 2 điều 104 BLHS (thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 và đối với phụ nữ đang có thai quy định tại điểm d khoản 1) xử phạt bị cáo Dũng 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Tác giả nhận thấy rằng việc xét xử bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng đối với phụ nữ đang có thai quy định tại điểm d khoản 1 điều 104 là chưa có đảm bảo căn cứ vững chắc bởi lẽ lời khai của bị cáo Dũng tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác định bị cáo không biết bà Hiền đang có thai, hơn nữa bà Hiền mới mang thai được 02 tháng thì để người khác nhận biết bà Hiền có thai hay không là điều rất khó, pháp luật hình sự hiện nay cũng chưa có hướng dẫn khoản này đó là biết được họ đang có thai hay chỉ cần thực tế họ đang có thai mà không cần ý chí chủ quan của bị cáo là biết họ đang có thai mà vẫn cố ý gây thương tích.

** Trong quá trình định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo cấu thành tội phạm tăng nặng, Tòa án gặp khó khăn, hạn chế dẫn đến sai lầm đó là:*

- Khó khăn trong áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần hoặc đối với nhiều người” tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn về tình tiết “Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS, thì chỉ áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 BLHS trong các trường hợp sau đây:

Ví dụ 1: Bị đánh hoặc thương tích từ hai lần trở lên mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên.

b1, Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 11 % đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS.

b.2. Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên.

Ví dụ 2: Y đã nhiều lần gây thương tích cho nhiều người trong đó A bị thương tật 11%, B bị thương tật 11%, tổng tỷ lệ thương tật 22% thì Y bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 BLHS.

Từ việc minh họa ví dụ 1 và 2 nêu trên, ta thấy hành vi Cố ý gây thương tích của X nguy hiểm hơn hành vi CYGTT của Y rất nhiều, bởi lẽ X gây thương tích cho rất nhiều người và tổng tỷ lệ thương tật rất cao là 56%, nhưng X chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Trong khi đó hành vi của Y chỉ gây thương tích cho 2 người, với tổng tỷ lệ thương tật 22% thấp hơn nhiều so với 56%, nhưng Y phải bị xét xử theo cấu thành tăng nặng khoản 2 Điều 104 BLHS.

Tương tự, so sánh và phân tích điểm c.2 và d.2, cũng có điểm bất hợp lý:

Từ sự phân tích như trên, ta thấy Nghị quyết 01 hướng dẫn áp dụng Điều 104 giữa các khoản 1, khoản 2, khoản 3 không có sự thống nhất, còn nhiều bất cập. Việc không khống chế mức tối đa trong các lần phạm tội để xác định yếu tố định khung, dẫn đến trường hợp hành vi nguy hiểm cao lại bị áp dụng hình phạt nhẹ hơn, không phù hợp thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Khó khăn trong việc áp dụng tình tiết phạm tội đối với phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.

Thế nào là người già yếu, ốm đau, người khác không có khả năng tự vệ đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về việc này nên việc áp dụng các tình tiết này trên thực tế gặp nhiều khó khăn, mỗi nơi áp dụng mỗi khác dẫn đến pháp luật áp dụng không thống nhất.

Đối với tình tiết phạm tội đối với phụ nữ đang có thai có thai thì hiện nay có hai luồng quan điểm; quan điểm thứ nhất cho rằng người thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác phải biết là người phụ nữ mà mình gây thương tích là người đang có thai bằng những biểu hiện ra bên ngoài hoặc bằng những yếu tố khác mà người phạm tội biết được họ đang mang thai nhưng vẫn cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Quan điểm thứ hai lại cho rằng chỉ cần người thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người phụ nữ hiện đang có thai (căn cứ vào kết quả giám định của cơ quan pháp y có thẩm quyền) là đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, không cần thiết bắt buộc người phạm tội biết người phụ nữ đó là đang có thai. Quan điểm của tác giả đồng ý với quan điểm thứ nhất đó là người phạm tội biết được người phụ nữ đang có thai nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Hiện nay điều 134 BLHS 2015 có nêu rõ cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác mà biết đang có thai.

2.4. Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong những trường hợp đặc biệt

2.4.1. Thực tiễn định tội danh

Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 cho thấy trong tổng số 155 vụ về tội nói trên có 21 vụ được định tội danh trong trường hợp đồng phạm, 03 vụ được định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

Về cơ bản Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã định tội danh đúng trong trường hợp đồng phạm và phạm nhiều tội, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật không có vụ nào bị hủy án hoặc sửa tội danh. Việc định tội danh đúng xuất phát từ BLHS có quy định rõ ràng, đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử trong sạch, đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm đạo đức; phẩm chất; có

tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp, kiên quyết bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý.

2.4.2. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm và nguyên nhân

Thực tiễn định tội danh tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong những trường hợp đặc biệt này cho thấy Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn một số trường hợp định tội danh không đúng, còn bỏ lọt tội phạm. Chẳng hạn như vụ án với bản án số 100/2012/HSST ngày 25/4/2012 của TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với Đặng Hùng Minh và đồng bọn thực hiện “tội cố ý gây thương tích và bắt giữ người trái pháp luật”, thực hiện hành vi nhiều lần như sau:

Lần thứ nhất: Do mâu thuẫn giữa bị cáo Đặng Hùng Minh với nhóm của Nguyễn Thanh Sang nên lúc 21h00' ngày 10/10/2011, bị cáo Minh bàn bạc rủ các tên gồm: Phạm Thanh Lành, Nguyễn Thanh Phú, Huỳnh Minh Quang, Trần Minh Trí, Nguyễn Chí Phú, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thanh Tuấn, Trần Minh Phương mang theo mã tấu, ống tuýp sắt để tìm nhóm của Đặng Hùng Minh đánh nhưng không gặp. Cả nhóm quay về đến Nhà Văn hóa thiếu nhi quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp anh Nguyễn Thanh Hải (là người quen biết với nhóm Nguyễn Thanh Sang) đang đứng trên đường thì bị cáo Minh và Lành dùng mã tấu không chế anh Hải đưa lên xe gắn máy rồi cùng cả nhóm đưa anh Hải đến khu vực nghĩa địa để tra hỏi về nhóm của Nguyễn Thanh Sang. Các bị cáo Minh, Lành, Trí dùng tay đánh vào mặt của anh Hải nhiều cái. Do sợ bị phát hiện nên Minh, Lành và đồng bọn chở anh Hải đến Khu công nghiệp Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục tra khảo đánh anh Hải. Sau đó, cả nhóm lên xe gắn máy tẩu thoát.

Lần thứ hai: Do nghi ngờ anh Nguyễn Hoàng Duy điện thoại báo tin cho công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đến bắt 02 bị cáo Minh và Lành tại nhà hàng Thạnh Phú, thuộc phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên lúc 16h00' ngày 06/11/2011, bị cáo Minh bàn bạc rủ các bị cáo Lành, Dương Thanh Hào, Nguyễn Văn Đức và Nguyễn Minh Trí

tìm đánh anh Duy thì tất cả đồng ý. Đức điều khiển xe gắn máy hiệu Dream màu nâu (không rõ BS) chở tên Minh mang theo ống tuýp sắt dài 60cm, Lành điều khiển xe gắn máy hiệu Wave màu vàng đen (không rõ BS) mang theo một cây tầm vòng dài 60cm và một vỏ chai bia Sài Gòn, Hào điều khiển xe gắn máy Wave màu xanh BS: 61T1-0061 chở Trí đi tìm đánh anh Duy. Khi chúng đi đến đường Tỉnh Lộ 43, phường Bình Chiểu thì phát hiện anh Duy đang điều khiển xe gắn máy lưu thông hướng chiều ngược lại. Tên Lành dùng vỏ chai bia ném trúng đầu anh Duy và cùng đồng bọn quay xe lại đuổi theo anh Duy khoảng 500 mét thì anh Duy bỏ xe chạy bộ để tẩu thoát. Tên Bình đuổi theo dùng ống tuýp sắt đánh trúng 03 cái vào đầu và tay phải của anh Duy rồi cùng đồng bọn tẩu thoát. Hậu quả anh Duy chấn thương đầu gây rách da, xuất huyết dưới nhện vùng trán trái, đã được điều trị khâu vết thương đầu hiện còn sẹo màu nâu phẳng kích thước 2 x 0,4cm tại đỉnh thái dương trái và sẹo kích thước 4 x 0,2cm tại đỉnh cằm phải. Chấn thương phần mềm gây rách da tạo sẹo màu nâu lồi nhẹ kích thước 3 x 0,5cm tạ mặt sau cánh tay phải. Mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 04% (Theo bản kết luận giám định pháp y số 44/TgT.12 ngày 12/01/2012 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế TP. Hồ Chí Minh).

Lần thứ ba: Do mâu thuẫn với anh Nguyễn Hoàng Dũng nên lúc 21h00 ngày 07/12/2011, bị cáo Lành nhìn thấy anh Dũng đang điều khiển xe gắn máy lưu thông trên đường Tỉnh Lộ 43, phường Bình Chiểu nên liền nhờ tên Nguyễn Anh Tú điều khiển xe gắn máy chở Lành cầm theo một đoạn cây tầm vòng dài 01 mét đuổi theo đánh anh Dũng. Khi anh Dũng vừa dừng xe lại thì Lành cầm cây tầm vòng trên đánh trúng vào đầu và đùi anh Dũng rồi lên xe Tú chở tẩu thoát. Hậu quả anh Dũng bị thương tích tỉ lệ 01%.

Lần thứ tư: Lúc 15h30' ngày 11/3/2012, do mâu thuẫn trong việc đá gà thắng thua bằng tiền tại nghĩa địa (thuộc Phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Dương Thanh Hào và Lê Hoàng Linh đánh nhau với Bùi Thanh Tuấn thì được anh Nguyễn Thanh Tuấn và Nguyễn Thanh An can ngăn. Tên Hào gọi điện nhờ tên Nguyễn Văn Đức điều khiển xe gắn máy đến chở Hào và Đức về

nhà trọ 205 Tỉnh Lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Linh bàn bạc với Hào và Đức gọi điện nhờ Đặng Hùng Minh đến hỗ trợ đánh anh Tuấn và An thì Minh đồng ý. Tên Minh bàn bạc rủ thêm Nguyễn Minh Trí, Nguyễn Minh Phụng và tên Táo (không rõ lai lịch) cùng tham gia đánh nhóm của Tuấn thì tất cả đồng ý. Sang, Phụng, Trí và Táo đi 02 xe gắn máy mang theo mã tấu và dao tự chế đến nhà trọ 205 gặp Hào, Đức và Linh. Sau đó tên Sang, Phụng, Trí, Táo, Hào, Đức và Linh đến nhà tìm An đánh thì thấy An đang nhậu với Tuấn, Đặng Hoàng Phương và một số người bạn khác. Tên Hào nhặt một đoạn cây tầm vông dài 01 mét cùng với Sang, Trí, Phụng và Táo xông vào rượt đuổi Tuấn, An và một số người chạy thoát. Anh Phương bị Phụng dùng mã tấu chém 03 nhát trúng vào cẳng tay phải, cẳng chân phải gây thương tích. Hậu quả anh Phương bị 02 vết thương tại cẳng tay phải gây rách da, mẻ xương trụ đã được điều trị, hiện còn sẹo màu nâu phẳng kích thước 3,5 x (0,2-0,4cm) và 2,5 x 0,2cm. Vết thương mặt ngoài 1/3 giữa cẳng chân phải gây rách da đã được khâu hiện còn sẹo đóng mào dài 07cm. Vết thương mặt trước 1/3 dưới cẳng chân phải, lóc da, đứt cơ duỗi các ngón, đã được điều trị hiện còn sẹo kích thước 10 x 0,3cm có tổn thương nhánh thần kinh mạc nông chi phối cảm giác. Các thương tích trên có để lại cố tật nhẹ. Mức độ tổn hại cho sức khỏe gây nên là 11%.

TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm a, khoản 1 và khoản 2 Điều 104; điểm b, p, khoản 1 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 48 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Minh Phụng 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm b, p, khoản 1 Điều 46; điểm d, khoản 1 Điều 48 của BLHS. Xử phạt Dương Thanh Hào 02 năm tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 của BLHS. Xử phạt Lê Hoàng Linh 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 104; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn Đức 01 năm 10 tháng tù.

Qua bản án trên nhận thấy hành vi của các tên Nguyễn Thanh Phú, Huỳnh Minh Quang, Trần Minh Trí, Nguyễn Chí Phú, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thanh Tuấn, Trần Minh Phương có dấu hiệu đồng phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Vì các tên này cùng tham gia bắt giữ anh Hải đưa cho Sang, Lành đánh tra khảo rồi chuyển cho Sang và đồng bọn tiếp tục tra khảo anh Hải. TAND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh Chi không xử lý hình sự đối với các tên trên là bỏ lọt tội phạm.

Kết luận Chương 2

Qua khái quát chung tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm từ năm 2011 đến 2015, bên cạnh việc định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam thì các cơ quan tiến hành tố tụng quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cũng gặp phải một số khó khăn sai lầm nhất định trong quá trình định tội danh đối với tội này, những nguyên nhân chủ yếu như: Tình hình thiếu biên chế ở các cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương, văn bản pháp luật hình sự hướng dẫn không rõ ràng hoặc chưa có văn bản hướng dẫn.... Trên cơ sở thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam tại địa phương đây là tiền đề quan trọng để đề ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam ở Chương 3.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Các yêu cầu đối với định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như đã nhấn mạnh là điều kiện tiên đề của việc xét xử bảo đảm công lý, công bằng xã hội, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đạt được mục đích của luật hình sự, tổ tụng hình sự, bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tăng cường chất lượng xét xử hình sự là nhu cầu cấp thiết, trong đó đặc biệt thuộc về định tội danh đúng. Vậy, vai trò định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, người định tội danh phải đáp ứng những yêu cầu:

Thứ nhất, người định tội danh phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc những vấn đề lý luận về định tội danh, đặc biệt là những vấn đề về cơ sở pháp lý của định tội danh, định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm, định tội danh theo khoản tăng nặng, định tội danh trong những trường hợp đặc biệt như tội phạm chưa hoàn thành, đồng phạm, phạm nhiều tội, định tội danh trong trường hợp cạnh tranh quy phạm pháp luật, định tội danh khi có sự thay đổi của điều luật.

Thứ hai, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải nắm vững nội dung các quy định của Bộ luật hình sự cả ở phần chung lẫn ở phần các tội phạm cụ thể hoặc có liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhất là các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người. Đặc biệt, người định tội danh cần nắm vững các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Thứ ba, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần nắm vững các hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thứ tư, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cần thu thập, phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đối chiếu chúng với các tình tiết, dấu hiệu được các quy định trong quy phạm pháp luật về cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tương ứng cấu thành tội phạm cơ bản, các cấu thành tội phạm tăng nặng.

Thứ năm, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải nắm vững quá trình định tội danh, phân tích tính chất pháp lý hình sự của hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã xảy ra, lựa chọn quy phạm phối hợp và phân tích quy phạm đó, đối chiếu so sánh các tình tiết của hành vi đã xảy ra với các dấu hiệu của quy phạm pháp luật đã lựa chọn và phân tích để đưa ra kết luận.

Thứ sáu, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải chứng minh một cách đầy đủ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được.

Thứ bảy, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải tuân thủ và biết vận dụng một cách đúng đắn mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng cũng như phạm trừ mối quan hệ nhân quả, chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối trong định tội danh.

Thứ tám, người định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải biết phân biệt các trường hợp phạm tội riêng lẻ, phạm tội bằng hình thức đồng phạm, phạm tội ghép, phạm tội nhiều lần, phạm tội nhiều tội..v.v.

Định tội danh đúng là định tội danh đúng người, đúng tội và cố nhiên là đúng pháp luật. Ở nghĩa này, định tội danh sẽ bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Trong điều kiện tiếp tục đổi mới mọi mặt của đời sống xã hội, bảo đảm và bảo vệ có hiệu quả quyền con người hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng về mọi mặt, định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác càng phải đáp ứng các yêu cầu đã nêu trên đây, bởi định tội đúng là tiền đề để giải quyết đúng vụ án hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chính các yêu cầu đối với định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên đây, đến lượt mình đòi hỏi phải hoàn thiện pháp luật, tăng cường năng lực, khả năng định tội danh của người có thẩm quyền định tội danh cũng như tăng cường các bảo đảm khác mà luận văn nghiên cứu ở mục tiếp theo dưới đây.

3.2. Các bảo đảm định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.2.1 Tăng cường nhận thức đầy đủ, đúng quy định pháp luật hình sự mới về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Để có thể định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong thời gian tới, điều quan trọng phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện nội dung của Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội danh nói trên.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác được quy định tại Điều 104 trong Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

- b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;
- c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;
- d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;
- đ) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Có tổ chức;
- g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;
- h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;
- i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;
- k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác tại Điều 134 như sau:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên;

b) Dùng α -xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

c) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Phạm tội đối với 02 người trở lên;

e) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

g) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng mình, thầy giáo, cô giáo của mình;

h) Có tổ chức;

i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

k) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe do được thuê;

m) Có tính chất côn đồ;

n) Tái phạm nguy hiểm;

o) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

3. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, thì bị phạt tù từ 04 năm đến 07 năm.

4. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp

quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

5. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 6 Điều này hoặc dẫn đến chết người, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

6. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

c) Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

7. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Như vậy, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác theo Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được quy định rõ ràng cụ thể hơn so với Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Theo quy định của Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, tội này chỉ gồm 4 khoản với định mức tỷ lệ thương tật được chia ra làm bốn mức là dưới 11%, từ 11% đến 30%, từ 31% đến 60%, trên 61% nhưng trong Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 tuy vẫn giữ nguyên việc chia định mức tỉ lệ thương tật nhưng tội này đã được chia ra làm 7 khoản với một số điểm mới sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện hơn những chế định của pháp luật về tội này.

Trong khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 này so với khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 thì có thể nhận thấy đã quy định thêm hai điểm mới sau:

“b, Dùng a-xít sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

i, Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”

Ngoài ra trong khoản này, đã đổi từ “Nhiều” thành “từ hai trở lên”, “trẻ em” đổi thành “Người dưới 16 tuổi”. Đây là bước cải tiến rõ rệt trong quy định của pháp luật nhằm phân định rõ những định nghĩa mà trước nay vẫn còn chung chung: “nhiều”, “trẻ em” để thực hiện được phải ban hành văn bản hướng dẫn nay đã được quy định cụ thể thành “từ hai trở lên” “người dưới 16 tuổi”, điểm e khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 quy định rõ “..Phụ nữ mà biết là có thai” còn Bộ luật hình sự năm 1999 quy chỉ quy định “Phụ nữ có thai”. Chính quy định này giúp chúng ta có thể xác định rõ hành vi của người phạm tội tương ứng với điều khoản nào của điều luật để áp dụng cho từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Về khoản 2, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999, nay đã được chia thành 4 khoản riêng biệt theo điều luật mới. Theo đó, mức khung hình phạt cũng được quy định rạch ròi, không gộp chung lại như trước. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng như Tòa án, Viện kiểm sát có thể dễ dàng hơn trong việc định tội áp dụng mức hình phạt đối với người phạm tội. Thêm vào đó, quy định này cũng đã phân chia giới hạn giữa tỷ lệ thương tật với các tình tiết tăng nặng trong cấu thành tội phạm, không còn sự nhập nhằng như quy định cũ, rằng dù tỷ lệ thương tật thấp nhưng nếu có tình tiết tăng nặng thì vẫn quy đồng với mức tỷ lệ thương tật cao hơn. Khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 đã cụ thể hóa khoản 4 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999. Theo đó, tình tiết định tính như “chết nhiều người” “đặc biệt nghiêm trọng khác” đã được quy định rõ thành từng điểm rõ ràng:

- “a) Làm chết 02 người trở lên;
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;
- c) Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.”

Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 có thêm quy định về trường hợp gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Đây là một điểm mới trong Bộ luật hình sự 2015 về tội này. Bởi vì đối với một người việc bị thương tích tại vùng mặt sẽ

để lại di chứng về mặt tinh thần, khiến họ mặc cảm không hòa nhập với cộng đồng xã hội, cũng như để cho họ phải bị mang tiếng làm điều gì đó không đúng nên mới bị xảy ra hậu quả như vậy. Việc gây thương tích tại vùng mặt không chỉ xâm phạm đến thân thể mà còn xâm phạm đến mặt tinh thần.

Thêm vào đó, Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 còn quy định thêm một khoản mới về việc chuẩn bị phạm tội. Theo đó người chuẩn bị phạm tội này sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

3.2.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe người khác

Để có thể định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, cần tiếp tục hướng dẫn cụ thể một số điều có liên quan đến tội nói trên như sau:

Thứ nhất, về tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Qua phân tích những khó khăn vướng mắc nêu trên, Tác giả thấy quy định tại Điều 104 BLHS tình tiết “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là căn cứ để định khung tăng nặng theo khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS. Tuy nhiên tại phần mục 1, phần I của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lại quy định "Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân" là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Như vậy Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP và khoản 2, 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 có sự mâu thuẫn với nhau, điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật quy định đối với các khoản của tội này có nhiều cách hiểu khác nhau. Theo tác giả không nên quy định tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt như Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn là

phù hợp, điều này cũng phù hợp nguyên tắc cơ bản của luật hình sự là cùng một hành vi thì không thể bị xử lý hai lần vì vết thương gây cố tật này khi thỏa mãn về tỉ lệ thương tật đã được tính chung trong tỉ lệ thương tật để định khung tăng nặng. BLHS năm 2015 đã khắc phục được hạn chế này bằng cách loại bỏ tình tiết “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” ra khỏi định khung tăng nặng tại khoản 2 và khoản 4, Điều 134.

Thứ hai, về tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa hai quan điểm nêu trên, giữa lý luận khoa học về tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, những quy định về tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, trong quy định của truy tố, xét xử. Theo tôi cần hướng dẫn theo hướng xây dựng khái niệm pháp lý chính thức về “Phạm tội nhiều lần”, qua sự tổng hợp, phân tích và đánh giá các quan điểm nêu trên, tôi xin đưa ra khái niệm “Phạm tội nhiều lần” như sau:

“Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hoặc tất cả những lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định về một tội danh tương ứng trong BLHS. Đồng thời trong những lần đó chưa có lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự”

Với khái niệm này cho phép ta có cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Thứ ba, đối với trường hợp phạm tội nhiều lần mà mỗi lần thực hiện hành vi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thì chỉ xét riêng một lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cho nên trong trường hợp này áp cần hướng dẫn bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS

Thứ tư, đối với tất cả những lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm như trường hợp phạm tội nhiều lần của tội Cố ý gây thương tích, cần hướng dẫn chỉ

áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần để định khung, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Thứ năm, cần hướng dẫn áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần hoặc đối với nhiều người” tại điểm c khoản 1 Điều 104. Để việc áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần hoặc đối với nhiều người” và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần”, Tác giả xin đưa ra ý kiến góp ý hướng dẫn như sau:

- * Nếu mỗi người trong một lần hoặc nhiều lần mà tỷ lệ thương tật có thể dưới 11% nhưng tổng tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% thì xét xử theo khoản 1 Điều 104, nếu mỗi người trong một lần hoặc nhiều lần mà tỷ lệ thương tật mỗi người có thể dưới 31 % nhưng tổng tỷ lệ thương tật từ 31 % đến 60% thì xét xử theo khoản 2 Điều 104, nếu mỗi người trong mỗi lần mà tỷ lệ thương tật có thể dưới 61% nhưng tổng tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên thì xét xử theo khoản 3 Điều 104 BLHS.

- * Trong trường hợp, tổng tỷ lệ thương tật đã thỏa mãn dấu hiệu định khung, mà có một người hoặc một lần có tỷ lệ thương tật thỏa mãn dấu hiệu định khung, đồng thời có thêm một người hoặc một lần có tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên, thì chỉ xét riêng thương tật của một người hoặc một lần đã thỏa mãn dấu hiệu định khung. Do đó trong trường hợp này cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Thứ sáu, từ khi ban hành BLHS năm 1999 đến nay chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức, nhưng liên hệ văn bản hướng dẫn BLHS năm 1985, Nghị quyết 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn về 3 trường hợp phạm tội có tổ chức như sau:

- + Những người đồng phạm đã tham gia vào một tổ chức phạm tội như: Đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp...có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội.

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc giải thích, xác định tổ chức tội phạm, tội phạm có tổ chức, đồng thời đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế

trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tác giả nhận thấy cần phải làm rõ tội phạm có tổ chức “Theo các chuyên gia nghiên cứu tội phạm của Nhật Bản, Hồng Kông, Mã Lai và Trung Quốc, tội phạm có tổ chức được phân chia thành ba loại:

- Tổ chức tội phạm là hiệp hội tội phạm có số lượng lớn các thành viên hàng ngàn người, có tên gọi, có người chỉ huy, có điều lệ, có tôn chỉ, có mục đích, có biểu tượng, có quy định về việc đóng phí gia nhập và hội phí, có các chi nhánh, có hệ thống đào tạo và tuyển dụng. Tổ chức tội phạm kiểu này hiện có và đang hoạt động ở Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan và các nước khu vực Đông Nam Á.

- Băng tội phạm là các tội phạm có tổ chức số thành viên hàng trăm, không có tên gọi cụ thể, tổ chức lỏng lẻo hơn, có thủ lĩnh hoặc không có thủ lĩnh, kiếm được bao nhiêu chia đều cho nhau, không phải đóng các khoản phí hoặc hội phí, không có sinh hoạt bầu ban, không có các ban bộ chỉ huy.

Băng tội phạm thường móc nối các quan chức Chính phủ để tiến hành các phi vụ làm ăn riêng biệt. Mỗi quan hệ này không vững chắc mang tính thời cơ và thời điểm cụ thể. Chúng thường liên kết với nhau theo quan hệ quen biết, bạn bè hoặc anh em để tiến hành các tội phạm như tống tiền, dịch vụ vệ sỹ, bảo vệ, bảo kê các sòng bạc, nhà hàng, tiệm nhậu, nhà thổ, câu lạc bộ ban đêm, buôn lậu có ý gây thương tích, buôn bán phụ nữ, trẻ em, kinh doanh bất động sản, lừa đảo, đòi nợ thuê, cho vay nợ lãi, môi giới đầu tư và đấu thầu quy mô nhỏ.

- Ổ nhóm tội phạm là các nhóm tội phạm, theo khái niệm chung của đa số các nước, có từ ba người trở lên đến vài chục người, không mang tính có tổ chức chặt chẽ, thường tập hợp lại với nhau để tiến hành các loại tội phạm hình sự bình thường. Sau mỗi phi vụ chúng có thể giải tán và một thời gian sau, tùy thuộc vào tình hình cụ thể chúng lại tập hợp lại để tính toán làm ăn, phạm tội. Vị trí, vai trò chỉ huy trong nhóm không phân công rõ ràng, tùy thuộc vào vụ việc trong số các thành viên có sáng kiến tìm được “phi vụ làm ăn” thì người đó tạm thời là chỉ huy. Các tội danh mà nhóm này gây ra chủ yếu là trộm cắp, cướp, tống tiền, lừa đảo..

Những kẻ tham gia vào tổ chức tội phạm, băng nhóm tội phạm và ổ nhóm tội phạm, khi thực hiện tội phạm thì đương nhiên là phạm tội có tổ chức. Bởi vì, mặc dù không có sự bàn bạc kỹ lưỡng trước khi phạm tội, nhưng giữa những người phạm tội đã có sự ngầm hiểu về vai trò, vị trí, sự phối hợp trong khi thực hiện tội phạm.

+ Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước.

Trường hợp này, bao gồm hai tình tiết phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần. Để làm rõ trường hợp này, tôi xin góp ý kiến hướng dẫn về trường hợp có sự đan xen giữa tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần như sau:

- Trong trường hợp, những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước, nếu những lần phạm tội đó không cùng một tội danh thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức.

- Trong trường hợp, những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước, nếu những lần phạm tội đó cùng một tội danh thì áp dụng cả hai tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần.

+ Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm.

Để khắc phục thiếu sót trong thực tiễn, Tác giả xin góp ý hướng dẫn việc xác định sự cấu kết chặt chẽ của những người thực hiện tội phạm như sau:

Sự cấu kết chặt chẽ của những người thực hiện tội phạm được xác định từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội cho đến khi tội phạm hoàn thành. Trong đó, những người phạm tội phải có sự bàn bạc, phân công thực hiện tội phạm và sự bàn bạc, phân công thực hiện tội- phạm phải đảm bảo các yếu tố:

- Xác định rõ vai trò của những người tham gia thực hiện tội phạm từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội cho đến khi tội phạm hoàn thành.

- Sự phối hợp chặt chẽ của những người tham gia thực hiện phạm tội trong việc chuẩn bị phạm tội.

- Sự phối hợp chặt chẽ của những người phạm tội trong khi thực hiện tội phạm.

Thứ bảy, Về tình tiết phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam

Từ thực tiễn hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tạm giữ, tạm giam, tôi nhận thấy cần thiết nên sửa đổi tình tiết “Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam” bởi các lý do sau:

Một là, không nên xử lý tội cố ý gây thương tích về tình tiết tăng nặng cho một người phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam mà trước đó họ đã bị tạm giữ, tạm giam xuất phát từ chính sai lầm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Hai là, về nguyên tắc người bị tạm giữ, tạm giam là người không có tội, họ chủ yếu chỉ bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ vụ án, cho nên họ có quyền và nghĩa vụ như công dân khác theo quy định pháp luật. Do đó, việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người đang bị tạm giữ, tạm giam là không phù hợp tinh thần pháp luật, trái với nguyên tắc “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”.

Ba là, người đang bị tạm giữ, tạm giam là người không có tội nhưng lại bị áp dụng tình tiết phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam. Trong khi đó, người chấp hành hình phạt tù khi bản án có hiệu lực pháp luật là người đã có tội, thì không bị áp dụng tình tiết này là điều không phù hợp tinh thần pháp luật. BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm tình tiết “*Phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt tù* ” tại điểm k, khoản 1, Điều 134.

Thứ tám, Về tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm

- + Phạm tội có tính chất côn đồ: Phạm tội có tính chất côn đồ có hai yếu tố chính là nhân thân và các biểu hiện khi thực hiện tội phạm, mà ta có thể gọi là nhân thân côn đồ và hành vi côn đồ.

- Nhân thân côn đồ thể hiện “hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an; Những kẻ “đâm thuê chém mướn”.

- Hành vi côn đồ thể hiện “sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhất là đâm, chém thậm chí giết người”.

Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn trách nhiệm hình sự của họ. Những đặc điểm riêng đó có thể là tiền án, tiền sự...

Tuy nhiên, không phải tất cả những người đã từng có tiền án, tiền sự đều là những người có nhân thân côn đồ, mà chỉ có những kẻ có tiền án tiền sự về hành vi đâm thuê, chém mướn, gây rối trật tự, coi thường pháp luật.

Những hành vi đâm thuê, chém mướn, gây rối trật tự, coi thường pháp luật là những hành vi mà BLHS có quy định tình tiết “Phạm tội có tính chất côn đồ” trong cấu thành tội phạm và những tội có thể áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất côn đồ”.

Đề xuất hướng dẫn: “Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp người phạm tội có nhân thân côn đồ, đã thực hiện hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác một cách vô cớ hoặc vì nguyên cớ nhỏ nhất”

+ Tái phạm nguy hiểm: Đề nghị hướng dẫn qui định tại điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS: Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm “Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý”. Theo hướng đã bị kết án từ hai lần trở lên chưa được xóa án tích dù trong các bản án trước chưa xác định tái phạm thì ở lần phạm tội thứ ba vẫn tái phạm nguy hiểm.

Thứ chín, Bổ sung vào Điều 104 BLHS: Đối với người phạm tội đã có một tình tiết qui định tại khoản 1 Điều 104 BLHS làm tình tiết định khung tăng nặng thì các tình tiết khác là tình tiết tăng nặng tương ứng với các tình tiết qui định tại Điều 48 BLHS.

Thứ mười, Đối với tình tiết phạm tội đối với phụ nữ đang có thai thì đề nghị hướng dẫn theo hướng phạm tội đối với phụ nữ mà biết có thai như Bộ luật hình sự

năm 2015, tại điểm c khoản khoản Điều 134 của Bộ luật hình sự có quy định phạm tội đối với phụ nữ mà biết là có thai. Do vậy sắp tới sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự quy định là phạm tội đối với phụ nữ mà biết là có thai.

Thứ mười một, Vấn đề người bị hại từ chối giám định thương tật

Để làm rõ vấn đề này, Tác giả xin phân tích vai trò của người bị hại trong việc tham gia tố tụng hình sự như sau:

Một là, người bị hại tham gia tố tụng hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình khi bị xâm hại hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước liên quan tham gia bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho mình.

Với vai trò này, người bị hại có quyền yêu cầu người phạm tội phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, vật chất và tinh thần cho mình một cách thỏa đáng theo quy định pháp luật. Đây chính là quyền của người bị hại, cho nên họ có thể thực hiện quyền này hoặc không thực hiện quyền này.

Hai là, người bị hại tham gia tố tụng hình sự với tư cách là một công dân, góp phần cùng với nhà nước trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Khi tham gia với tư cách này, người bị hại có nghĩa vụ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ nội dung và các tình tiết vụ án, nhằm nâng cao hiệu quả trong việc ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội trong đó có người bị hại.

Với vai trò này, người bị hại phải thực hiện nghĩa vụ của một công dân đối với nhà nước trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, nếu công dân từ chối, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thì họ phải chịu trách nhiệm đối với nhà nước. Tùy thuộc vào mức độ nguy hiểm của việc từ chối, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ mà nhà nước sẽ quy định biện pháp cưỡng chế thích hợp. Điều này đã được pháp luật ghi nhận như sau: Nếu công dân từ chối khai báo thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội từ chối khai báo Điều 308 BLHS; Nếu công dân không tố giác tội phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm theo Điều 314 BLHS...

Từ sự phân tích nêu trên, ta thấy việc người bị hại từ chối giám định thương tật theo yêu cầu của Cơ quan điều tra là không đúng tinh thần pháp luật, bởi vì đây

chính là nghĩa vụ mà họ buộc phải thực hiện để giúp cho nhà nước đấu tranh phòng chống tội phạm, đem lại bình yên cho xã hội. Việc từ chối giám định của người bị hại có thể dẫn đến tình trạng không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm của nó cũng gần giống như hành vi từ chối khai báo, không tố giác tội phạm. Đây chính là sự mâu thuẫn với Điều 3 BLHS “Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật”.

Tuy nhiên trong thực tế, có nhiều trường hợp người bị hại từ chối đi giám định tỷ lệ thương tích vì nhiều lý do khác nhau như cảm thấy mình cũng có lỗi, không muốn mình làm cho người khác bị cảnh tù tội, được người phạm tội đền bù thiệt hại thoả đáng, bị người phạm tội đe dọa, sợ bị trả thù, không muốn rắc rối vì pháp luật ... thì họ sẽ không yêu cầu khởi tố và từ chối giám định thương tật. Do đó, nếu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị hại từ chối giám định thương tật, thì không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, bởi vì họ đã là nạn nhân của vụ án cố ý gây thương tích và lại trở thành tội phạm trong việc từ chối giám định thương tật. Nhưng nếu không có biện pháp xử lý thì họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Để khắc phục những vướng mắc nêu trên, tôi nhận thấy cần thiết phải bổ sung quy định biện pháp cưỡng chế hành chính: Bắt buộc người bị hại thực hiện giám định tỷ lệ thương tật theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, nếu cơ quan tiến hành tố tụng xét thấy có dấu hiệu hành vi phạm tội thuộc cấu thành tăng nặng hoặc cấu thành tội phạm khác.

Thứ mười hai, Vấn đề người đại diện của người bị hại

Theo quan điểm của Tác giả để thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm được nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả, thì những trường hợp người bị hại trong tình trạng không biểu lộ được ý chí, người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần và thể chất nhưng không có người đại diện nên giao cho cơ quan điều tra khởi tố vụ án theo thủ tục

bình thường để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại. Do đó cần thiết quy định bổ sung đoạn 2 khoản 1 Điều 105 BLTTHS: “Trường hợp người bị hại trong tình trạng không biểu lộ được ý chí, người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần và thể chất nhưng không có người đại diện, thì cơ quan điều tra sẽ thực hiện việc khởi tố”.

3.2.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Nhìn chung, việc xét xử vụ án tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; hình phạt áp dụng đối với các bị cáo đảm bảo nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm. Nhiều vụ án lớn đặc biệt nghiêm trọng đã được đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh; đồng thời đã tổ chức nhiều phiên tòa xét xử lưu động, đáp ứng yêu cầu chính trị và đấu tranh phòng, chống tội phạm của các địa phương cũng như cả nước.

Theo chủ trương cải cách tư pháp của Đảng được đề cập trong Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị là: giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ, giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm, khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm...

Việc ban hành các chính sách pháp luật, các bộ luật và các văn bản pháp luật mà cụ thể là các chính sách pháp luật liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, lấy thực tiễn là thước đo. Do đó cần phải tổng kết thực tiễn từ nhiều cấp từ trung ương đến địa phương. Cụ thể các cơ quan tư pháp tổng kết thực tiễn quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung và tổng kết thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nói riêng, đưa ra được những vướng mắc khó khăn trong quá trình định tội danh, từ đó đề xuất những giải pháp để cơ quan xây dựng pháp luật hoàn thiện hệ thống pháp luật

nói chung và hoàn thiện tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe nói riêng.

3.2.4. Giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ định tội danh

Bên cạnh một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của BLHS năm 1999 chúng ta còn phải đồng thời kết hợp với một số giải pháp khác đó là yếu tố con người và yếu tố tổ chức bộ máy. Trong đó, yếu tố con người luôn là yếu tố quan trọng nhất, việc định tội danh là một khâu quan trọng trong hoạt động xét xử, việc quyết định một hình phạt phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo công bằng, hợp tình, hợp lý hoàn toàn phụ thuộc vào Hội đồng xét xử, cụ thể là Thẩm phán và Hội thẩm.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, để xây dựng đội ngũ các bộ làm công tác xét xử trong sạch, đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm đạo đức; phẩm chất; có tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp, kiên quyết bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, Ngành Tòa án nhân dân các cấp và các ngành công an, kiểm sát cần tập trung tiến hành các giải pháp sau:

Thứ nhất, Thực hiện chặt chẽ việc tiêu chuẩn hoá Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, đồng thời từng bước nâng cao tiêu chuẩn đối với Thẩm phán chuyên nghiệp. Trong thời gian tới, cần phải có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài để làm công tác xét xử, mở rộng nguồn để bổ nhiệm Thẩm phán không chỉ cán bộ trong các cơ quan tư pháp, mà còn là các luật gia, luật sư, những nhà khoa học am hiểu về lĩnh vực pháp luật, ưu tiên tuyển dụng những sinh viên xuất sắc trong quá trình học tập. Việc thi tuyển thẩm phán phải thực chất, dân chủ, công khai để chọn ra những người thực sự có năng lực, có đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp, tăng thời hạn bổ nhiệm hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn với với thẩm phán. Ngoài ra, cần bổ sung vai trò yếu tố con người định tội danh.

Thứ hai, Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có năng lực, phẩm chất để thực hiện tốt hoạt động định tội danh các loại tội phạm nói chung và nhóm tội cố ý gây thương tích

hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nói riêng; quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần kiên quyết đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ nền pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lương tâm, trách nhiệm, tận tụy và tự giác cao với công việc; thường xuyên tập huấn, rèn luyện kỹ theo hướng chuyên sâu. Đặc biệt đối với đội ngũ thẩm phán là người có vai trò rất quan trọng trong việc định tội danh nên Ngành Tòa án cần tăng cường học tập tấm gương, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần “Phụng công thủ pháp chí công vô tư”.

Các ngành cần có sự quan tâm bố trí đủ lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tránh để tình trạng quá tải trong việc giải quyết án hình sự nói chung và các vụ án thuộc nhóm xâm phạm sức khỏe của người khác nói riêng. Khắc phục tình trạng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thẩm phán... không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án khi được phân công giải quyết trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử do lực lượng bố trí không đồng đều, thiếu lực lượng dẫn đến quá tải công việc.

Thứ ba, Tăng cường trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán: Chủ trương của Đảng, Nhà nước “*Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*” là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng trong cải cách tư pháp hình sự hiện nay ở nước ta, có tăng cường trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ: thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm hình sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình và khi đó Kiểm sát viên sẽ độc lập khi làm nhiệm vụ.

Thứ tư, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất để Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán làm việc: Chủ trương của Đảng và Nhà nước là “*...bảo đảm tốt hơn các điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện hiệu quả chức năng*”. Cơ sở vật chất được trang bị tương xứng nhiệm vụ công tác cho đặc thù của từng ngành, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế và lĩnh vực tư pháp thế giới.

3.2.5. Các giải pháp khác

Một là, Xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ để phục vụ cho công tác xét xử.

Hiện nay trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh rất chật hẹp, và đã xuống cấp, chỉ có hai phòng xét xử, chưa có phòng hòa giải và công khai chứng cứ, chưa có phòng mở phiên họp, phòng xét xử và giải quyết các vụ án về người chưa thành niên phạm tội và hôn nhân gia đình theo mô hình thân thiện; cơ sở trang thiết bị cho cán bộ, công chức tòa án chưa đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp và hòa nhập quốc tế. Chính vì vậy cần có giải pháp xây dựng cơ sở vật chất như trụ sở cơ quan để bố trí các phòng xét xử, phòng họp giải quyết án theo đúng tinh thần về cải cách tư pháp bảo vệ quyền con người, thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử..., trang bị đầy đủ trang thiết bị cho việc xét xử.

Hai là, Cần có cơ chế bảo vệ cán bộ định tội danh, đặc biệt là đội ngũ thẩm phán; có chính tiền lương phù hợp và tương xứng đối với đội ngũ cán bộ định tội danh để cho họ yên tâm công tác, cống hiến và phục vụ ngành.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trên địa bàn quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đề ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực định tội danh đúng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tác giả đã chú trọng đi sâu phân tích hai nhóm giải pháp thiết thực nhất đó là hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, giải pháp tổng kết thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trên địa bàn quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn áp dụng pháp luật của các ngành cấp trên và giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ thực hiện định tội danh là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cũng góp phần hiệu quả trong việc định tội danh đúng đối với nhóm tội phạm này.

KẾT LUẬN

Chính sách đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã góp phần to lớn trong việc đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, giúp ổn định và phát triển kinh tế đất nước, nâng cao mọi mặt của tất cả lĩnh vực đời sống xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới nền kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, nhiệm vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng trở nên nặng nề hơn, đòi hỏi phải tiếp tục củng cố, hoàn thiện pháp luật nói chung và nội hàm những quy định về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nói riêng, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Bởi vì, “Chỉ trên cơ sở của sự nhận thức đầy đủ và đúng đắn về bản chất và các dấu hiệu của tội phạm nói chung, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử mới có thể áp dụng được Luật hình sự một cách nghiêm minh qua việc xác định đúng tội danh, đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội” góp phần nâng cao hiệu quả trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thực trạng tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đang có chiều hướng ngày càng gia tăng cả số lượng lẫn chất lượng, gây hoang mang lo sợ và bức xúc trong nhân dân, làm mất ổn định xã hội. Các băng nhóm thực hiện tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo kiểu xã hội đen, thanh toán lẫn nhau rất manh động và táo bạo, phương tiện gây án là những loại rất nguy hiểm như mã tấu, dao lê, tuýt sắt và các công cụ tự chế khác. Đòi hỏi các cơ quan bảo vệ pháp luật phải có biện pháp quyết liệt nhằm phát hiện khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử để góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong năm năm qua TAND quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã kịp thời đưa ra xét xử nghiêm minh nhiều vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác góp phần tích cực vào công tác phòng chống tội phạm ở địa phương. Tuy nhiên, trong việc định tội danh vẫn còn những khó khăn, vướng mắc và hạn chế

trong thực tiễn áp dụng pháp luật, chưa được hướng dẫn kịp thời, đã để kẻ hờ cho người phạm tội lợi dụng gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc nghiên cứu đầy đủ về hệ thống các quy định pháp luật về tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cố ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả, pháp luật hình sự được thực thi, mang lại yếu tố công bằng, khách quan trong từng mức án cụ thể, góp phần răn đe, giáo dục, cải tạo người phạm tội nói riêng và giáo dục phòng, chống tội phạm nói chung, mặt khác, nâng cao hiệu quả công tác truy tố, xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Trên cơ sở đó, luận văn đã nghiên cứu cụ thể, chi tiết các quy định của pháp luật hình sự hiện hành, phân tích làm rõ các dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng, đường lối xử lý cũng như thực tiễn xét xử loại tội phạm này. Luận văn đi sâu nghiên cứu về tình hình thực tiễn định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác tại địa bàn quận quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, để từ đó tìm ra những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp và nêu ra một số phương hướng hoàn thiện lý luận định tội danh góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

Có thể nói, đề tài về tội danh này, nghiên cứu qua thực định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác từ thực tiễn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là một đề tài khá mới mẻ, cần có nhiều thời gian và công sức. Trong quá trình nghiên cứu, tuy đã có nhiều cố gắng dưới sự hướng dẫn tận tình của người hướng dẫn, nhưng do bước đầu làm quen với việc nghiên cứu khoa học, bản thân còn nhiều hạn chế về trình độ kiến thức, khả năng diễn đạt, thời gian nghiên cứu không dài, kinh nghiệm thực tiễn có hạn nên luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tác giả rất mong được sự góp ý chân thành của các Quý thầy, cô, các bạn học viên, các đồng nghiệp và của tất cả những ai quan tâm đến đề tài này để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế , Bộ lao động thương binh và xã hội (1995), *Thông tư số 12-TT/LB ngày 26/7/1995 của Bộ Y tế quy định về Bảng tiêu chuẩn thương tật.*
2. Chính phủ (1996), *Nghị quyết số 47/1996/NQ-CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần riêng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (1989), *Nghị quyết số 01/1989/NQ-HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
8. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.
9. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
10. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (1988), *Nghị quyết số 02/1988/NQ-HĐTP ngày 10/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
11. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2003), *Nghị quyết số*

- 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự, Hà Nội.*
12. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (1980), *Nghị quyết số 04/1986/NQ-HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự, Hà Nội.*
 13. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Luật hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 14. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
 15. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Mô hình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 16. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
 17. Nguyễn Ngọc Hòa - Chủ biên (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 18. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.
 19. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
 20. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
 21. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*, Hà Nội.
 22. Tòa án nhân dân Tối cao (1987), *Công văn số 03/TATC ngày 22/10/1987 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội.
 23. Tòa án nhân dân Tối cao (1998), *Công văn số 140/KHXX ngày 11/12/1998 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội.
 24. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1 (1945-1974), Hà Nội.
 25. Tòa án nhân dân tối cao (1998), *Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT ngày 02/01/1998 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và*

- Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
26. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Giám định tư pháp số 24/2004/PL-UBTVQH* ngày 29/9/2004, Hà Nội.
 27. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2000), *Nghị quyết số 229/2000/NQ-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Mục 3 Nghị quyết của Quốc hội “Về thi hành Bộ luật Hình sự”*, Hà Nội.
 28. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1999), *Nghị quyết số 32/1999/NQ-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
 29. Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao (2004), *Công văn số 65/VKSNDTC-V8 ngày 20/7/2004 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số Điều của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
 30. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 31. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 32. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.